

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Giao số lượng, bố trí chức danh**  
**đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ - CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông báo số 31-TB/TU ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn cho 130 xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cấp xã loại 2 trên địa bàn tỉnh, như sau:

**I. Xã loại 2:** 110 đơn vị (có danh sách kèm theo), được bố trí 23 người.

- Đối với xã đồng bằng có dưới 8.000 dân, xã miền núi có dưới 5.000 dân được bố trí 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

- Đối với xã đồng bằng có trên 8.000 dân, xã miền núi có trên 5.000 dân được bố trí 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

a) Chức danh cán bộ xã có 11 chức danh:

1. Bí thư Đảng ủy;

2. Phó Bí thư Đảng ủy;

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- 6. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- 7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- 8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- 9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- 10. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
- 11. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Chức danh công chức có 07 chức danh, 10 người đảm nhiệm:

- 1. Trưởng Công an;
- 2. Chỉ huy trưởng Quân sự;
- 3. Văn phòng - thống kê: 02 người;
  - 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.
  - 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.
- 4. Địa chính - xây dựng và môi trường: 02 người;
  - 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng và môi trường.
  - 01 người làm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi.
- 5. Tài chính - kế toán;
- 6. Tư pháp - hộ tịch;
- 7. Văn hoá - xã hội: 02 người.
  - 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao.
  - 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

**II. Thị trấn loại 2:** 07 đơn vị (Kinh Môn, Phú Thù huyện Kinh Môn; Thanh Hà huyện Thanh Hà; Gia Lộc huyện Gia Lộc; Thanh Miện huyện Thanh Miện; Ninh Giang huyện Ninh Giang; Nam Sách huyện Nam Sách), được bố trí 23 người, cụ thể các chức danh như sau:

a) Chức danh cán bộ có 11 chức danh, 11 người đảm nhiệm:

- 1. Bí thư Đảng ủy;
- 2. Phó Bí thư Đảng ủy;
- 3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);
- 4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
6. 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
10. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
11. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Chức danh công chức có 07 chức danh, 10 người đảm nhiệm:

1. Trưởng Công an;
2. Chỉ huy trưởng Quân sự;
3. Văn phòng - thống kê 02 người;
  - 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.
  - 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.
4. Địa chính - xây dựng – đô thị và môi trường: 02 người;
  - 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường.
  - 01 người làm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi.
5. Tài chính - kế toán;
6. Tư pháp - hộ tịch;
7. Văn hoá - xã hội: 02 người.
  - 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao.
  - 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

### III. Phường loại 2: 13 đơn vị.

- Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Trãi, Trần Phú thành phố Hải Dương không có tổ chức Hội nông dân Việt Nam, được bố trí 21 người.

- Cẩm Thượng, Hải Tân, Việt Hòa, Nhị Châu thành phố Hải Dương; Văn An, Hoàng Tân, Chí Minh, Thái Học thị xã Chí Linh có tổ chức Hội nông dân Việt Nam được bố trí 22 người, cụ thể các chức danh như sau:

a) Chức danh cán bộ:

1. Bí thư Đảng ủy;
2. Phó Bí thư Đảng ủy;

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

6. 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

10. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

11. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (đối với phường có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam).

b) Chức danh công chức có 06 chức danh, 09 người đảm nhiệm:

1. Chỉ huy trưởng Quân sự;

2. Văn phòng - thống kê: 02 người;

- 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.

- 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.

3. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường: 02 người;

- 01 người làm công tác Địa chính.

- 01 người làm công tác xây dựng - đô thị và môi trường.

4. Tài chính - kế toán;

5. Tư pháp - hộ tịch;

6. Văn hoá - xã hội: 02 người.

- 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao.

- 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

**Điều 2.** Các xã, phường, thị trấn đã bố trí hết số lượng người theo các chức danh quy định tại Điều 1 quyết định này số lượng người còn lại ưu tiên bố trí cán bộ luân chuyển, điều động và thu hút những sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính quy có nguyện vọng về địa phương công tác theo quy định của tỉnh.

Đối với những xã, phường, thị trấn đã bố trí hết các chức danh theo quy định tại Nghị định 121/2003/NĐ- CP thì vẫn tiếp tục được thực hiện đến khi có người khác thay thế

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2011 và thay thế Quyết định số 3131/2004/QĐ - UBND ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định số lượng, bố trí các chức danh và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã, phường, thị trấn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *tkb*

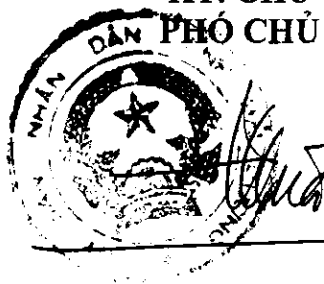
**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm công báo;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT. *tkb*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Thừa**



**DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LOẠI 2: 110 xã**  
(Ban hành kèm theo quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 của UBND tỉnh)

**I. Thị xã Chí Linh: 10 xã**

- 1. Bắc An
- 2. Lê Lợi
- 3. Văn Đức
- 4. Tân Dân
- 5. Hoàng Tiến
- 6. An Lạc
- 7. Hưng Đạo
- 8. Cổ Thành
- 9. Hoàng Hoa Thám
- 10. Đồng Lạc

**II. Huyện Kinh Môn: 14 xã**

- 1. Minh Hòa
- 2. Hiến Thành
- 3. Thái Thịnh
- 4. Hiệp An
- 5. An Phụ
- 6. Thượng Quận
- 7. Hiệp Hòa
- 8. Thăng Long
- 9. Quang Trung
- 10. Lê Ninh
- 11. Thất Hùng
- 112. Hiệp Sơn
- 13. Duy Tân
- 14. Lạc Long

**III. Huyện Kim Thành: 11 xã**

- 1. Cổ Dũng
- 2. Tuấn Hưng
- 3. Kim Xuyên
- 4. Kim Lương
- 5. Kim Anh
- 6. Ngũ Phúc
- 7. Kim Đính
- 8. Kim Tân
- 9. Liên Hòa
- 10. Đồng Gia

**11. Đại Đức**

**IV. Huyện Nam Sách: 06 xã**

- 1. Cộng Hòa
- 2. Đồng Lạc
- 3. An Lâm
- 4. An Bình
- 5. Quốc Tuấn
- 6. Hợp Tiến

**V. Huyện Thanh Hà: 11 xã**

- 1. Hồng Lạc
- 2. Thanh Lang
- 3. Liên Mạc
- 4. Cẩm Chế
- 5. Tân Việt
- 6. Quyết Thắng
- 7. Tiên Tiến
- 8. Thanh Hải
- 9. Phượng Hoàng
- 10. Thanh Sơn
- 11. Thanh Hồng

**VI. Thành phố Hải Dương: 03 xã**

- 1. Ái Quốc
- 2. Nam Đồng
- 3. Thạch Khôi

**VII. Huyện Tứ Kỳ: 10 xã**

- 1. Ngọc Sơn
- 2. Hưng Đạo
- 3. Văn Tố
- 4. An Thanh
- 5. Tiên Động
- 6. Quang Trung
- 7. Nguyên Giáp
- 8. Hà Kỳ
- 9. Tân Kỳ
- 10. Minh Đức



**VIII. Huyện Gia Lộc : 05 xã**

- 1. Liên Hồng
- 2. Thống Nhất
- 3. Hồng Hưng
- 4. Hoàng Diệu
- 5. Gia Xuyên

**IX. Huyện Cẩm Giàng : 12 xã**

- 1. Cẩm Hưng
- 2. Ngọc Liên
- 3. Cẩm Định
- 4. Cẩm Hoàng
- 5. Cẩm Vũ
- 6. Cẩm Văn
- 7. Đức Chính
- 8. Cao An
- 9. Cẩm Đông
- 10. Cẩm Phúc
- 11. Cẩm Điền
- 12. Lương Điền

**X. Bình Giang : 10 đơn vị**

- 1. Vĩnh Hồng
- 2. Long Xuyên
- 3. Hồng Khê
- 4. Cổ Bì
- 5. Nhân Quyền
- 6. Bình Xuyên
- 7. Thái Học
- 8. Tân Hồng
- 9. Thái Hòa
- 10. Thúc Kháng

**XI. Huyện Thanh Miện: 13 xã**

- 1. Thanh Giang
- 2. Chi Lăng Bắc
- 3. Ngũ Hùng
- 4. Tứ Cường
- 5. Phạm Kha
- 6. Đoàn Tùng
- 7. Lam Sơn
- 8. Thanh Tùng
- 9. Lê Hồng
- 10. Đoàn Kết
- 11. Ngô Quyền
- 12. Tân Trào
- 13. Hồng Quang

**XII. Huyện Ninh Giang: 05 xã**

- 1. Nghĩa An
- 2. Tân Phong
- 3. Vĩnh Hòa
- 4. Kiến Quốc
- 5. Tân Hưng